

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KÔNG CHRO
TỈNH GIA LAI**

Bản án số: 01/2017/DS-ST

Ngày: 24/5/2017

“*V/v: Tranh chấp về hợp đồng
dân sự vay tài sản*”.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KÔNG CHRO - TỈNH GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Huy Viễn.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Chu Văn Thuận.

2. Ông Đinh Văn Linh.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Phạm Quang Hà – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 24/5/2017, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 02/2017/TLST-DS, ngày 05/01/2017, về việc: “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2017/QĐST-DS, ngày 03/5/2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N (tên gọi khác là M), sinh năm 1960.

Địa chỉ: Tổ , thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai – có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị L, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Tổ , thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai – có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05/01/2017, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị N trình bày: Tôi với bà Trần Thị L có quan hệ quen biết với nhau. Trước đây tôi có cho bà L vay tiền nhiều lần. Đến ngày 13/12/2014 âm lịch hai bên tính toán lại thì bà L còn nợ tôi số tiền 27.900.000 đồng, cũng trong ngày 13/12/2014 (âm lịch) tôi có cho bà Trần Thị L vay thêm số tiền 10.000.000 đồng. Tổng cộng bà L nợ tôi hai khoản trên với số tiền là 37.900.000 đồng. Khi đó bà L đã viết giấy nhận nợ và hai bên thỏa thuận bà L sẽ trả cho tôi mỗi ngày 100.000 đồng đến khi hết số tiền nợ cũ là 27.900.000 đồng, đối với số nợ 10.000.000 đồng mới vay bà L cam đoan vay trong thời hạn 05 tháng sẽ trả lại cho tôi. Sau đó, bà L trả dần cho tôi nhiều lần nhưng cũng không đều, khi có bao nhiêu bà L trả bấy nhiêu và mỗi lần bà L trả tiền thì tôi

đều ghi vào sổ của bà L. Khi khởi kiện tôi yêu cầu bà L phải trả cho tôi số tiền 37.900.000 đồng là do khi đó bà L không chịu đưa sổ sách ra tính toán với tôi nên tôi không biết bà L đã trả cho tôi tổng cộng bao nhiêu tiền. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án thì bà L đã đưa sổ sách ra tính toán lại thì tổng số tiền bà đã trả cho tôi là 11.375.000 đồng. Nay tôi trừ số tiền này vào số tiền 37.900.000 đồng mà tôi khởi kiện từ đầu và chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L trả cho tôi số tiền còn lại là 26.525.000 đồng. Ngoài ra tôi không có yêu cầu gì thêm.

Về phía bị đơn trong vụ án là bà Trần Thị L trình bày: Trước đây tôi có vay tiền của bà N nhiều lần. Vào ngày 13/12/2014 âm lịch hai bên tính toán lại thì tôi còn nợ bà N số tiền 27.900.000 đồng, tôi có viết giấy nợ lại hẹn mỗi ngày sẽ trả cho bà N 100.000 đồng cho đến khi hết nợ (số tiền này không tính lãi). Cũng trong ngày hôm đó tôi có vay thêm của bà N số tiền 10.000.000 đồng và tôi cũng viết giấy nợ số tiền đó đồng thời hẹn 05 tháng sau sẽ trả lại cho bà N (số tiền này bà N tính lãi 30.000 đồng/ngày tức là 9%/tháng). Sau đó tôi đã trả liên tục cho bà N từ tháng 12/2014 âm lịch đến hết tháng 08/2015 âm lịch được tổng cộng 31.200.000 đồng (trong đó có 24.000.000 đồng nợ gốc và 7.200.000 đồng lãi). Tuy nhiên, khi tôi trả nợ thì có lần bà N ghi vào sổ của tôi, có lần tôi chỉ đưa trực tiếp cho bà chứ bà không ghi. Đến tháng 09/2015 âm lịch thì chồng tôi chết nên tôi có xin bà N cho tôi được trả cho bà mỗi ngày 100.000 đồng cho đến khi hết số nợ còn lại là 13.900.000 đồng và 15.000.000 đồng con rẻ tôi nợ bà trước đây (con rẻ tôi hiện đã bỏ đi khỏi địa phương nhưng nghĩ trách nhiệm của người làm cha làm mẹ nên tôi đã tự ý trả nợ thay cho con tôi). Tôi đã trả liên tục cho bà N từ ngày 20/09/2015 âm lịch đến hết ngày 19/9/2016 âm lịch (tức là tròn 01 năm) mỗi ngày 100.000 đồng được 36.500.000 đồng nên tôi đã trả hết nợ, thậm chí đã trả thừa cho bà N. Tuy nhiên, cũng như lần trước khi tôi trả nợ thì có lần bà N ghi vào sổ của tôi, có lần tôi chỉ đưa trực tiếp cho bà chứ bà không ghi. Nay bà N yêu cầu tôi phải trả số tiền 26.525.000 đồng thì ý kiến của tôi là tôi không đồng ý trả nợ theo yêu cầu đó của bà N, đề nghị Tòa án xem xét đem lại công bằng cho tôi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Do có quan hệ quen biết với nhau nên trước đây bà Nguyễn Thị N có cho bà Trần Thị L vay tiền nhiều lần. Đến ngày 13/12/2014 âm lịch hai bên tính toán lại thì bà L còn nợ bà N số tiền 27.900.000 đồng, cũng trong ngày hôm đó bà N có cho bà L vay thêm số tiền 10.000.000 đồng, tổng cộng hai khoản vay trên là 37.900.000 đồng. Khi đó bà L viết giấy nhận nợ cho bà N và hai bên thỏa thuận bà L sẽ trả cho bà N mỗi ngày 100.000 đồng đến khi hết số tiền nợ cũ là 27.900.000 đồng, đối với số nợ 10.000.000 đồng mới vay bà L cam đoan vay trong thời hạn 05 tháng sẽ trả lại cho bà N. Sau đó bà L trả dần cho bà N nhiều lần được tổng cộng 11.375.000 đồng (mỗi lần bà L trả tiền thì bà N đều ghi vào sổ của bà L) rồi không trả nữa. Do đòi nhiều lần không được nên bà N đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà phải trả cho bà số tiền 37.900.000 đồng nhưng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án bà L đã đưa sổ

sách ra tính toán lại thì tổng số tiền bà đã trả cho bà N là 11.375.000 đồng, bà N đồng ý trừ số tiền này vào số tiền 37.900.000 đồng mà bà khởi kiện từ đầu và chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L trả cho bà số tiền còn lại là 26.525.000 đồng.

Xét yêu cầu của bà N thì thấy rằng: Giao dịch dân sự về việc vay tài sản giữa bà N với bà L được xác lập trên cơ sở tự nguyện thoả thuận giữa hai bên, không vi phạm điều cấm của pháp luật và đạo đức xã hội vì vậy giao dịch này là hợp pháp và các bên phải có nghĩa vụ tôn trọng cũng như thực hiện đúng những thoả thuận, cam kết khi xác lập giao dịch. Bà N đã thực hiện nghĩa vụ giao tiền cho bà L nhưng bà L lại không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo thoả thuận cho bà N. Như vậy, bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ mà mình đã cam kết và bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L phải trả nợ là có căn cứ.

Về phía bà L thì bà cho rằng bà đã trả cho bà N tổng cộng cả gốc và lãi là 67.700.000 đồng trong khi cả khoản nợ của bà và con rể bà chỉ là khoảng 60.000.000 đồng gồm cả gốc và lãi nên bà không còn nợ nần gì bà N nữa. Tại phiên tòa, bà L xuất trình 05 bản photocopy các trang sổ sách của bà để chứng minh rằng trước thời điểm ngày 13/12/2014 âm lịch bà trả nợ cho bà N đều đặn hàng ngày nên bà cho rằng căn cứ vào đó thì thời điểm sau ngày 13/12/2014 âm lịch bà cũng trả nợ đều như vậy, chỉ có điều do sơ xuất và tin tưởng nhau nên bà không bắt bà N ghi số tiền đã nhận hàng ngày vào sổ của bà như trước đó nên bà mới thất lý khi bà N khởi kiện. Ngoài ra, tại phiên tòa, bà L cho rằng chồng bà N có thay mặt bà N đến nhận tiền bà trả hàng ngày nhiều lần nhưng cũng không ghi vào sổ sách và bà cũng không nhớ cụ thể chồng bà N nhận tiền vào những ngày nào và nhận bao nhiêu tiền trong khi bà Nam khẳng định việc làm ăn, cho vay nợ của bà thì chồng bà không hề biết và bà cũng không nhờ chồng đi lấy tiền của bà L lần nào. Bà N cũng khẳng định con rể của bà L có nợ bà 15.000.000 đồng nhưng khoản nợ đó không liên quan gì đến bà L, bà với bà L và con rể bà L cũng chưa bao giờ thoả thuận rằng bà L đứng ra trả nợ thay cho con rể.

Xét lời khai của bà Trần Thị L thấy rằng: Lời trình bày của bà L về việc đã trả hết nợ cho bà N như đã nói ở trên là chỉ từ một phía của bà, hoàn toàn không được bà N chấp nhận, bà L cũng không cung cấp được cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc bà đã trả hết nợ mà chỉ cung cấp được các tài liệu, chứng cứ chứng minh bà đã trả cho bà N được tổng cộng 11.375.000 đồng. Ngoài ra, lời khai của bà L về việc trả nợ và số tiền còn nợ có nhiều mâu thuẫn vì bà cho rằng bà đứng ra trả nợ thay cho con rể bà nhưng giữa bà, con rể bà và bà N không có bất cứ một văn bản thoả thuận nào về việc đó, bà N cũng không chấp nhận lời khai đó của bà L đồng thời khẳng định khoản nợ của con rể bà L còn nguyên và không liên quan gì đến việc trả nợ của bà L. Mặt khác, theo bà L thì tổng số nợ cả gốc và lãi của bà với con rể bà chỉ vào khoảng 60.000.000 đồng nhưng bà đã trả cho bà N tổng cộng 67.700.000 đồng. Điều đó là không phù hợp với sự thật khách quan của sự việc và càng chứng tỏ lời khai của bà L không đáng tin cậy và không có cơ sở để chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng việc chấp nhận yêu cầu của bà N về việc buộc bà L phải trả số nợ 26.525.000 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kông Chro đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 280, 281, 305, 388, 401, 405, 408, 471, 474 và 478 của Bộ luật Dân sự năm 2005 xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N, buộc bị đơn bà Trần Thị L có nghĩa vụ trả lại cho bà N số tiền đã vay còn lại phải trả là 26.525.000 đồng đồng thời buộc bà L chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Yêu cầu của bà N được chấp nhận nên bà L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với 5% phần giá trị tranh chấp; bà N được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 147, các Điều 228, 235, 264, 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 280, 281, 305, 388, 471, 473, 474, 476 và 478 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Xử:**

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

- Buộc bà Trần Thị L phải trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền 26.525.000 đồng (*Hai mươi sáu triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả và số tiền còn phải thi hành án.

- Về án phí:

+ Buộc bà Trần Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.326.250 đồng (*Một triệu ba trăm hai mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng*).

+ Bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà N số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 947.500 đồng (*chín trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm đồng*) đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0014483, ngày 05/01/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Kông Chro;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Kông Chro;
- Lưu.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Huy Viễn

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KÔNG CHRO
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kông Chro, ngày 24 tháng 5 năm 2017

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KÔNG CHRO - TỈNH GIA LAI

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Phan Huy Viễn.

- ***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông Chu Văn Thuận.

2. Ông Đinh Văn Linh.

Căn cứ vào Điều 264 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vào hồi 10h00', ngày 24 tháng 5 năm 2017 tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án dân sự về: ***“Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản”*** giữa:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị Nam, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Tổ 3, thị trấn Kông Chro, huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai.

- ***Bị đơn:*** Bà Trần Thị Lý, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Tổ 4, thị trấn Kông Chro, huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét đầy đủ ý kiến của những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử thảo luận và biểu quyết những vấn đề sau đây:

**** Ý kiến Hội thẩm 1:***

- Căn cứ Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 147, các Điều 228, 235, 264, 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 280, 281, 305, 388, 471, 473, 474, 476 và 478 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị xử:

- Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Nam.

- Buộc bà Trần thị Lý phải trả cho bà Nguyễn Thị Nam số tiền gốc là 26.525.000 đồng (*Hai mươi sáu triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả và số tiền còn phải thi hành án.

- ***Về án phí :***

+ Buộc bà Trần Thị Lý phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.326.250 đồng (*Một triệu ba trăm hai mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng*).

+ Bà Nguyễn Thị Nam không phải chịu án phí sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà Nam số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 947.500 đồng (*Một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng*) đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0014483, ngày 05/01/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai.

- ***Về quyền kháng cáo:*** Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

**** Ý kiến Hội thẩm 2 và Thẩm phán:*** Thống nhất như ý kiến Hội thẩm 1.

Kết quả biểu quyết 3/3.

Biên bản nghị án kết thúc lúc 10 giờ 30 phút cùng ngày. Biên bản đã được đọc lại cho Hội đồng xét xử cùng nghe, mọi người thống nhất với nội dung nêu trên và đồng ý ký tên dưới đây./.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Tôi với bà Trần Thị Lý có quan hệ quen biết với nhau. Trước đây tôi có cho bà Lý vay tiền nhiều lần. Đến ngày 13/12/2014 âm lịch hai bên tính toán lại thì bà Lý còn nợ tôi số tiền 27.900.000 đồng, cũng trong ngày 13/12/2014 (âm lịch) tôi có cho bà Trần Thị Lý vay thêm số tiền 10.000.000 đồng. Tổng cộng bà Lý vay tôi hai khoản trên số tiền 37.900.000 đồng (Ba mươi bảy triệu chín trăm nghìn đồng). Khi đó bà Lý viết giấy nhận nợ và hai bên thỏa thuận bà Lý sẽ trả cho tôi mỗi ngày 100.000 đồng đến khi hết số tiền nợ cũ là 27.900.000 đồng, đối với số nợ 10.000.000 đồng mới vay bà Lý cam đoan vay trong thời hạn 05 tháng sẽ trả lại cho tôi. Sau đó bà Lý trả dần

cho tôi nhiều lần được tổng cộng 11.375.000 đồng (mỗi lần bà Lý trả tiền thì tôi đều ghi vào sổ của bà Lý) rồi không trả nữa. Khi khởi kiện tôi yêu cầu bà Lý phải trả cho tôi số tiền 37.900.000 đồng là do khi đó bà Lý không chịu đưa sổ sách ra tính toán với tôi. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án bà Lý đã đưa sổ sách ra tính toán lại thì tổng số tiền bà đã trả cho tôi là 11.375.000 đồng. Nay tôi trừ số tiền này vào số tiền 37.900.000 đồng mà tôi khởi kiện từ đầu và chỉ yêu cầu bà Lý trả cho tôi số tiền còn lại là 26.525.000 đồng.

Ngoài ra tôi không có yêu cầu gì thêm